

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THAN UYÊN
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/4/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
của nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Hoa; Ông Cầm Xuân Xanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Phương

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Than Uyên tham gia phiên tòa:

Ông Lương Văn Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Than Uyên tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST - HNGĐ ngày 03/4/2020 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Anh Vàng A S; Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Bản Sam Sầu, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Giàng Thị M; Sinh năm 1981;

Địa chỉ: Bản Sam Sầu, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2019, tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử nguyên đơn là anh Vàng A S trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng A S và chị Giàng Thị M sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997 tại bản Huổi San, xã Mường Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Anh S và chị M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2002 chị M và anh S chuyển đến S sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại

bản Sam Sầu, xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Năm 2009, chị M đi làm ăn xa, không liên lạc với gia đình và không có tin tức gì để một mình anh S nuôi bốn đứa con còn nhỏ. Năm 2019, chị M trở về địa phương nhưng do tình cảm vợ chồng rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh S và chị M đã không còn sống chung với nhau như vợ chồng. Vì vậy, anh Vàng A S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với chị M.

Về con chung: Anh S và chị M có 04 con chung: Cháu Vàng Thị S, S ngày 31/5/1999 (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; Cháu Vàng A Toàn, S ngày 11/10/2001 đã chết ngày 18/9/2019 theo Trích lục khai tử số 147/TLKT-BS ngày 25/01/2019 của UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu; Đối với hai con chung chưa thành niên là cháu Vàng Thị Ánh D, S ngày 11/10/2004 và cháu Vàng Hồng H, S ngày 01/01/2006 anh S có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D và cháu H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, cho vay chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn chị Giàng Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M công nhận về thời gian sống chung và không đăng ký kết hôn như anh S trình bày là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do khó khăn về kinh tế nên năm 2009 chị M sang Trung Quốc làm thuê, do đường xá đi lại khó khăn nên chị M không thường xuyên về nhà, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Năm 2019 chị M trở về nhưng do không còn tình cảm nên chị và anh S đã không còn sống chung như vợ chồng. Nay anh S đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng thì chị cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng.

Về con chung: Chị M công nhận, trong thời gian chung sống với nhau như vợ chồng chị M và anh S có với nhau 04 con chung. Cháu S đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, cháu Toàn đã chết tháng 9/2019. Đối với cháu Vàng Thị Ánh D và cháu Vàng Hồng H chị M có yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của cháu D và cháu H.

Về tài sản và công nợ chung như anh S trình bày là đúng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Vàng Thị Ánh D và cháu Vàng Hồng H có nguyện vọng được ở cùng với bố và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Than Uyên ghi nhận nguyện vọng của cháu được ở cùng với bố là anh Vàng A S

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị và được chính quyền địa phương xác nhận anh S và chị M sống chung với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; Tiến hành lấy lời khai cháu Vàng Thị Hồng H và cháu Vàng Thị Ánh D xác định cả hai cháu đều có nguyện

vọng ở cùng với bố là anh Vàng A S. Đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Than Uyên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đương sự Vàng A S vẫn giữ nguyên yêu cầu.

+ *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội D vụ án:

Trên cơ sở lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các quy định tại các điều 28, 35, 266, 267 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận anh Vàng A S và chị Giàng Thị M là vợ chồng, ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ghi nhận nguyện vọng của cháu Vàng Thị Ánh D và cháu Vàng Hồng H, chị M có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Anh Vàng A S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M. Xác định đây là quan hệ pháp luật “ Ly hôn tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ vào khoản 7 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.

Việc xét xử vắng mặt: Hội đồng xét xử nhận định bị đơn chị Giàng Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có yêu cầu hoãn tố tụng cũng không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Giàng Thị M là đúng quy định.

Về nội D vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Vàng A S và chị Giàng Thị M tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi

theo phong tục địa phương từ năm 1997, quá trình chung sống anh chị phát S nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M thường xuyên đi làm ăn xa nhà, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh chị không còn tình cảm với nhau hai bên không tìm được tiếng nói chung. Tại phiên tòa anh S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2020 chị M đồng ý với quan điểm của anh S là đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Vàng A S và chị Giàng Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không làm phát S quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy theo khoản 1 điều 51; Điều 53 - Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình. Tuyên xử không công nhận anh Vàng A S và chị Giàng Thị M là quan hệ vợ chồng là đúng quy định.

[2]. Về nuôi con chung: Anh chị có 04 con chung: Cháu Vàng Thị S, S ngày 31/5/1999, đến thời điểm xét xử cháu S đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; Cháu Vàng A Toàn, S ngày 11/10/2001 đã chết ngày 18/9/2019 theo Trích lục khai tử số 147/TLKT-BS ngày 25/1/2019 của UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nên không xem xét giải quyết; Đối với hai con chung là cháu Vàng Thị Ánh D, S ngày 11/10/2004 và cháu Vàng Hồng H, S ngày 01/01/2006. Tại biên bản hòa giải về con chung, tài sản chung anh chị đã thỏa thuận, anh S được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu hai cháu Vàng Thị Ánh D và cháu Vàng Hồng H cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung, anh chị không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm anh Vàng A S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 227; điều 266, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 điều 9; khoản 1 điều 14, 15, 53, 58, 81, 82, 83, 131 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 11, 17, 87 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Khoản 4 điều 3 thông tư số: 01/2016/TTLT- TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân gia đình.

- Khoản 4 điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Vàng A S và chị Giàng Thị M.

2. Về con chung:

- Cháu Vàng Thị S, S ngày 31/5/1999 (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, Cháu Vàng A Toàn, S ngày 11/10/2001 đã chết ngày 18/9/2019 theo Trích lục khai tử số 147/TLKT-BS ngày 25/1/2019 của UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

- Giao cho anh Vàng A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Vàng Thị Ánh D, S ngày 11/10/2004 và cháu Vàng Hồng H, S ngày 01/01/2006 cho đến khi cháu D, cháu H thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Giàng Thị M có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh S.

Anh Vàng A S có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Giàng Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vàng A S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. *(Xác nhận anh S đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0004421 ngày 05/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí).*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm lên Tòa án tỉnh Lai Châu. Bị đơn vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện Than Uyên
- Chi cục THA dân sự huyện Than Uyên
- Các đương sự
- UBND xã Phúc Than, huyện Than Uyên
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHAN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương